

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ chính thức
của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 207/TTr-STC ngày 21 tháng 3 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2026. Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao
Nhiệm vụ cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KP236/4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Vũ Thắng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho

Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cá nhân, tổ chức không vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, từ thiện;

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo.

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ được quy định tại Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền.

b) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, chính quyền địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ.

c) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

d) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

đ) Các doanh nghiệp được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

e) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

3. Bên tiếp nhận viện trợ được quy định tại Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận bao gồm:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Các tổ chức khoa học, công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tiếp nhận viện trợ theo Quy chế này khi đáp ứng: công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ; kết quả đầu ra của khoản viện trợ; thực

hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ; không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận.

d) Doanh nghiệp xã hội thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường theo quy định của Quy chế này khi đáp ứng công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ; kết quả đầu ra của khoản viện trợ; thực hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ, không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận.

Điều 3. Mục tiêu của việc quản lý, sử dụng viện trợ

1. Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh, thực hiện đúng cam kết với Bên cung cấp viện trợ.

2. Giám sát, đánh giá nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc, vi phạm trong quá trình quản lý, sử dụng viện trợ; đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các khoản viện trợ theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Công tác vận động viện trợ

1. Các phương thức viện trợ bao gồm: Dự án, phi dự án.

2. Lĩnh vực ưu tiên kêu gọi viện trợ phù hợp với định hướng ưu tiên kêu gọi viện trợ quy định tại Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Chính phủ; đảm bảo phù hợp nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này trên cơ sở xem xét nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương trong năm tiếp theo, gửi đề xuất danh mục dự án cần kêu gọi viện trợ đến Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh. Căn cứ vào danh mục dự án đề xuất của các đơn vị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị khác có liên quan hoàn chỉnh danh mục dự án cần thu hút, vận động viện trợ năm tiếp theo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan tìm kiếm, vận động các nguồn viện trợ và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Cà Mau với các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

Điều 7. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

1. Đối với các khoản viện trợ mà chủ khoản viện trợ là các đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động, đơn vị chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào ngân sách chung hàng năm hoặc bổ sung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 8. Tổ chức quản lý dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và các đơn vị có liên quan vận động viện trợ trên cơ sở nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực tiếp nhận viện trợ của tỉnh.

2. Quyết định phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm toàn diện trong tiếp nhận, quản lý sử dụng hiệu quả khoản viện trợ do mình phê duyệt.

3. Quyết định hình thức tổ chức bộ máy quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án (bao gồm nội dung phân bổ vốn cho các hạng mục cụ thể của dự án, kế hoạch tài chính tổng thể của dự án), dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trên cơ sở đề xuất của chủ khoản viện trợ, phù hợp quy định của pháp luật có liên quan. Chỉ đạo công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Trường hợp các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách, việc thực hiện công tác đấu thầu theo thỏa thuận với Bên cung cấp viện trợ và quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án.

5. Chỉ đạo thực hiện về quản lý tài chính, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ; xét duyệt quyết toán hàng năm và phê duyệt khi kết thúc dự án theo quy định.

6. Chỉ đạo các cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo tài chính các khoản viện trợ đã được phê duyệt.

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm tổng hợp về kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính; tiếp nhận báo cáo 06 tháng về tình hình giải ngân sử dụng viện trợ từ Chủ khoản viện trợ; gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ cho Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ. Đối với các khoản viện trợ triển khai được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có các khuyến nghị về an ninh, quốc phòng, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các khuyến nghị đó trong báo cáo định kỳ hằng năm. Thời điểm chốt số liệu là ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, chậm nhất vào ngày 01 tháng 02 của năm tiếp sau.

9. Chỉ đạo cân đối và bố trí vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan chủ quản theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Chỉ đạo đơn vị đầu mối về quản lý viện trợ của cơ quan mình thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin quản lý viện trợ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam theo quy định.

11. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và các sai phạm khác trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý.

12. Đối với các khoản viện trợ được phê duyệt theo quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, không thực hiện các nhiệm vụ, quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Chủ dự án, phi dự án phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm:

a) Ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc tổ chức bộ máy quản lý thực hiện dự án trên cơ sở hình thức tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện dự án được quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ phải mở tài khoản để tiếp nhận và giải ngân khoản viện trợ tại kho bạc nhà nước hoặc

ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

b) Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm, kế hoạch tài chính hàng năm; xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu trong trường hợp phía Việt Nam thực hiện khoản viện trợ. Trường hợp các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách, việc thực hiện công tác đấu thầu theo thỏa thuận với Bên cung cấp viện trợ và quy định trong văn kiện dự án, phi dự án.

d) Giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện giám sát và đánh giá dự án.

3. Chịu trách nhiệm hạch toán, quyết toán, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận và sử dụng. Thường xuyên cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp; Báo cáo định kỳ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo (đối với báo cáo 06 tháng) và ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau (đối với báo cáo hàng năm). Thời điểm chốt số liệu là ngày 30 tháng 6 (đối với báo cáo 06 tháng) và ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo hàng năm). Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

5. Đối với các khoản viện trợ được phê duyệt theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 7 Nghị định 313/2025/NĐ-CP, Chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 9 Quy chế này

6. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện dự án, phi dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của dự án.

7. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

1. Đại diện cho chủ dự án, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định của mình.

2. Ban quản lý dự án phải mở tài khoản tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

3. Ban quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ trong khuôn khổ dự án, trong đó:

a) Lập kế hoạch thực hiện tổng thể và hằng năm, kế hoạch tài chính của dự án trình chủ dự án phê duyệt theo quy định tại Quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

b) Đàm phán, ký kết các hợp đồng.

c) Thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng trong phạm vi được giao.

d) Quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các thủ tục giải ngân, hạch toán, quyết toán theo quy định về quản lý tài chính của Nghị định này và phù hợp với quy định của Bên cung cấp viện trợ.

4. Xây dựng kế hoạch chi tiết giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án.

5. Định kỳ 06 tháng một lần và hằng năm báo cáo tình hình thực hiện dự án, tình hình quản lý tài chính cho chủ dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời điểm chốt số liệu là ngày 30 tháng 6 (đối với báo cáo 06 tháng) và 15 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo hằng năm). Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi cho chủ dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

6. Nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án. Sau khi kết thúc dự án, trong vòng 06 tháng, Ban quản lý dự án phải hoàn thành báo cáo kết thúc dự án gửi chủ dự án.

7. Kết thúc dự án và giải thể Ban quản lý dự án:

a) Thời điểm kết thúc dự án được quy định trong Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án.

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi kết thúc dự án, Ban quản lý dự án phải lập và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án báo cáo kết thúc dự án để chủ dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo kết thúc dự án được xây dựng trên cơ sở báo cáo đánh giá kết quả dự án theo quy định trong Văn kiện dự án.

c) Ban quản lý dự án bàn giao các tài sản của dự án đã được cấp có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án theo quy định của pháp luật.

d) Sau khi báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án phê duyệt và việc bàn giao các tài sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án đã hoàn thành, cơ quan chủ quản ban hành quyết định kết thúc dự án và quyết định giải thể Ban quản lý dự án.

đ) Trường hợp cần thời gian để quyết toán và hoàn thành các thủ tục kết thúc dự án, Ban quản lý dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án ban hành quyết định cho phép gia hạn hoạt động của Ban quản lý dự án và bảo đảm kinh phí cho các hoạt động này.

e) Đối với trường hợp Ban quản lý dự án quản lý nhiều dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ dự án ban hành quyết định kết thúc từng dự án cụ thể đồng thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ tương ứng của Ban quản lý dự án.

8. Các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 12. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Là cơ quan đầu mối về quản lý nhà nước về viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

2. Chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền theo quy định.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên cung cấp viện trợ; giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và sử dụng viện trợ để kịp thời xử lý theo quy định.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Cập nhật thông tin quản lý viện trợ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tham gia thẩm định và góp ý kiến các khoản viện trợ theo quy định.

2. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và việc thực hiện đúng các hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cung cấp thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở vận động và thẩm định các khoản viện trợ theo quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh

1. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ, đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến, cung cấp thông tin liên quan làm cơ sở xem xét, thẩm định các khoản viện trợ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng vấn đề an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham gia thẩm định, góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan lĩnh vực chuyên môn quản lý theo quy định.

2. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh; báo cáo định kỳ hàng năm gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phối hợp Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến hồ sơ khoản viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Hướng dẫn chủ dự án thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ định hướng, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của Nhà nước hoặc từng ngành của tỉnh trong từng thời kỳ để xây dựng chương trình, dự án vận động viện trợ theo từng giai đoạn phù hợp với định hướng, kế hoạch chung.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ cho tỉnh theo kế hoạch.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các bên tiếp nhận trong công tác vận động và tiếp nhận viện trợ.

4. Lập và gửi báo cáo tổng hợp 06 tháng, hằng năm về tình hình vận động và thực hiện các khoản viện trợ thuộc quyền quản lý theo quy định.

5. Tham gia thẩm định, góp ý kiến đối với các khoản viện trợ theo đề nghị của Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ trì tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể (Bên tài trợ không ấn định cứu trợ cho một địa phương cụ thể nào) và thông báo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chương trình, dự án vận động viện trợ và bố trí vốn đối ứng cho các dự án thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của ngành, địa phương.

2. Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phối hợp thực hiện.

3. Tham gia thẩm định và góp ý kiến về việc tiếp nhận các khoản viện trợ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và việc bổ sung, điều chỉnh các khoản viện trợ theo quy định.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

5. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong quá trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì triển khai thực hiện Quy chế này. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp thẩm định, trao đổi thông tin trong quá trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Cà Mau.

2. Định kỳ ngày 15 tháng 01 hằng năm, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình triển khai thực hiện, đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý, sử dụng viện trợ, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 22. Xử lý khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời đến Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.